

BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN 06 QUẬN 1  
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC  
BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Số: 1892/BCĐ-CQTT(CAQ)

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Phòng, ban và đơn vị thuộc Quận;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường.

Ngày 27/11/2023 Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Luật Căn cước số 26/2023/QH15 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 46), gồm 07 chương, 46 điều, quy định về: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Để đảm bảo triển khai có hiệu quả các quy định của Luật Căn cước năm 2023, Ban chỉ đạo Đề án 06 quận 1 đã soạn thảo nội dung tuyên truyền về Luật Căn cước, kính đề nghị các phòng ban, đoàn thể, đơn vị và Ban chỉ đạo Đề án 06 các phường khẩn trương triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi với nhiều hình thức thiết thực, phù hợp và hiệu quả đến toàn thể cán bộ công nhân viên chức và nhân dân trên địa bàn quận.

(đính kèm nội dung tuyên truyền Luật căn cước)

Kết quả thực hiện các đơn vị lồng ghép vào nội dung báo cáo tháng Đề án 06 và báo cáo về Công an quận (qua *Đội CSQLHC về TTXH*) để tập hợp báo cáo Ban chỉ đạo Đề án 06 quận và Ban Chỉ đạo Đề án 06 Thành phố.

Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Công an quận (*liên hệ đồng chí Trung tá Huỳnh Thanh Loan, Đội trưởng Đội CSQLHC về TTXH, số điện thoại: 0909.858.577*) để phối hợp, hướng dẫn thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBNDQ – Trưởng BCĐ;
- Đ/c Nguyễn Duy An – Phó CT UBNDQ – Phó Trưởng BCĐ;
- VP UBND Q1;
- Lưu: VT, CAQ 40b Hưởng Nga



Đại tá Nguyễn Hải Phước  
Trưởng Công an quận

## BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ LUẬT CĂN CƯỚC

Qua 9 năm triển khai thi hành, Luật Căn cước công dân 2014 đã tạo thuận lợi cho nhân dân trong việc đi lại, thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại. Tuy nhiên, việc thi hành Luật cũng bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cần giải quyết; nhất là việc sửa đổi, bổ sung quy định để thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số ở nước ta theo Đề án 06. Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Do vậy, để tạo bước đột phá về chuyển đổi số ở nước ta, việc sửa đổi Luật Căn cước công dân năm 2014 là cần thiết.

Luật Căn cước năm 2023 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6, thông qua ngày 27/11/2023 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 46), gồm 07 chương, 46 điều, quy định về: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Luật Căn cước 2023 có những điểm mới như sau:

### 1. Chính thức đổi tên thẻ Căn cước công dân sang thẻ Căn cước

Tại khoản 1 và khoản 11 Điều 3 Luật Căn cước định quy định: *“Thẻ Căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng thông tin về căn cước của công dân Việt Nam, do cơ quan quản lý căn cước cấp theo quy định của Luật Căn cước”*.

Như vậy, việc đổi tên thẻ Căn cước công dân thành thẻ Căn cước để bảo đảm tương đồng với thông lệ quốc tế. Việc thay đổi tên thẻ cũng để bảo đảm tính phổ quát, tạo tiền đề cho hội nhập quốc tế, cho việc thừa nhận, công nhận giấy tờ về căn cước giữa các nước trong khu vực và trên thế giới; hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Luật khi Việt Nam có ký kết thỏa thuận với các quốc gia khác để sử dụng thẻ căn cước thay cho hộ chiếu trong việc đi lại giữa các quốc gia.

### 2. Người dân có phải đổi thẻ CCCD sang thẻ Căn cước không?

Tại Điều 46 Luật Căn cước quy định: *“Thẻ Căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước”*. Trường hợp thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Như vậy, đối với các trường hợp công dân đang sử dụng thẻ CCCD vẫn còn thời hạn sử dụng thì vẫn tiếp tục được sử dụng đến khi hết thời hạn mới phải đổi sang thẻ căn cước, trừ trường hợp công dân có nhu cầu đổi từ thẻ CCCD sang thẻ căn cước.

### 3. Sẽ khai tử Chứng minh nhân dân từ 01/01/2025

Tại khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước quy định: “*Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp*”.

Như vậy, Chứng minh nhân dân chỉ có giá sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 4. Bỏ thông tin về quê quán, vân tay và đặc điểm nhân dạng trên thẻ Căn cước

Tại khoản 2 Điều 18 Luật Căn cước 2023 thì thông tin được in trên thẻ căn cước bao gồm:

- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”;
- Dòng chữ “CĂN CƯỚC”;
- Ảnh khuôn mặt;
- Số định danh cá nhân;
- Họ, chữ đệm và tên khai sinh;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Giới tính;
- Nơi đăng ký khai sinh;
- Quốc tịch;
- Nơi cư trú;
- Ngày, tháng, năm cấp thẻ; ngày, tháng, năm hết hạn sử dụng;
- Nơi cấp: Bộ Công an.

Như vậy, từ ngày 01/7/2024 thì trên thẻ căn cước đã lược bỏ thông tin về quê quán, vân tay, đặc điểm nhân dạng, nơi thường trú (thay bằng nơi đăng ký khai sinh).

### 5. Người được cấp thẻ căn cước; Độ tuổi được cấp thẻ căn cước

#### 5.1. Người được cấp thẻ căn cước

Tại Điều 19, Luật Căn cước quy định: “*Người được cấp thẻ căn cước là công dân Việt Nam; công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên phải thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước; công dân Việt Nam dưới 14 tuổi được cấp thẻ căn cước theo nhu cầu*”.

Như vậy, Luật Căn cước đã bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của công dân; phát

huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc.

## **5.2. Độ tuổi được cấp thẻ căn cước**

Tại Điều 21, Luật Căn cước quy định: *“Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước phải thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước khi đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi. Thẻ căn cước đã được cấp, cấp đổi, cấp lại trong thời hạn 2 năm trước độ tuổi cấp đổi thẻ căn cước theo quy định tại khoản 1 điều này có giá trị sử dụng đến tuổi cấp đổi thẻ tiếp theo”*.

Như vậy, Luật Căn cước đã bổ sung thêm người đủ 14 tuổi phải thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước. Trường hợp công dân đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại trong thời hạn 2 năm trước 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi thì thời hạn thẻ căn cước có giá trị đến độ tuổi cấp đổi thẻ tiếp theo. Ví dụ công dân đề nghị cấp đổi thẻ khi công dân 23 tuổi thì thời hạn của thẻ căn cước có giá trị đến đủ 40 tuổi thì mới phải thực hiện cấp đổi.

## **6. Giấy chứng nhận căn cước; đối tượng cấp Giấy chứng nhận căn cước**

### **6.1. Giấy chứng nhận căn cước**

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Căn cước quy định: *“Giấy chứng nhận căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng thông tin về căn cước của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, do cơ quan quản lý căn cước cấp theo quy định của Luật này”*

Như vậy, đây là điểm mới hoàn toàn so với Luật Căn cước công dân năm 2014. Việc cấp Giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch Việt Nam là quy định nhân văn, tiến bộ, tạo bước phát triển mạnh mẽ trong công tác quản lý xã hội, đảm bảo quyền của những người sinh sống, làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.

### **6.2. Đối tượng cấp Giấy chứng nhận căn cước**

Tại Điều 30 Luật Căn cước quy định: *“Giấy chứng nhận căn cước được cấp cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch mà đang sinh sống liên tục từ 06 tháng trở lên tại đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã”*.

Như vậy, Giấy chứng nhận căn cước được cấp cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch Việt Nam.

## **7. Từ 01/7/2024, công dân sẽ có Căn cước điện tử**

Tại khoản 1 Điều 31 Luật Căn cước quy định: *“Mỗi công dân Việt Nam được cấp 01 căn cước điện tử”*.

Như vậy, một trong những nội dung đáng chú ý khác của điểm mới Luật Căn cước là bổ sung Căn cước điện tử. Căn cước điện tử được thể hiện qua tài khoản định danh điện tử. Căn cước điện tử có giá trị chứng minh về căn cước và thông tin

khác đã được tích hợp vào căn cước điện tử của người được cấp căn cước điện tử để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

**8. Bổ sung thu thập thông tin về mống mắt khi làm thủ tục cấp thẻ căn cước từ ngày 01/7/2024**

Tại khoản 3 Điều 18 Luật Căn cước 2023 thì thông tin được mã hóa, lưu trữ trong bộ phận lưu trữ trên thẻ căn cước gồm thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, *mống mắt* của công dân.

Tại Điều 23 Luật Căn cước 2023 thì trong thủ tục cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có quy định về người tiếp nhận thu nhận thông tin nhân dạng và thông tin sinh trắc học gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, *mống mắt* của người cần cấp thẻ căn cước.

Đối với thủ tục cấp thẻ căn cước với người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi cũng có quy định về bước thu nhận thông tin nhân dạng và thông tin sinh trắc học gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, *mống mắt* như người từ đủ 14 tuổi trở lên.

Đối với thủ tục cấp thẻ căn cước đối với người dưới 06 tuổi thì cơ quan quản lý căn cước *không thu nhận thông tin nhân dạng và thông tin sinh trắc học*.

*Như vậy*, chỉ có trường hợp trẻ dưới 06 tuổi thì không lấy thông tin sinh trắc học là mống mắt còn các độ tuổi còn lại đều phải thực hiện lấy thông tin mống mắt.

Trên đây là những điểm mới của Luật Căn cước năm 2023.



Mã QR-code tài liệu tuyên truyền  
chi tiết Luật CCCD 2023

# CÓ PHẢI ĐỔI THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN ?



SANG

THẺ  
CĂN CƯỚC

(Điều 46 Luật Căn cước, thông qua ngày 27/11/2023  
tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV)

CÓ HIỆU LỰC TỪ  
1/7/2024



## KHOẢN 1

Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước.

## KHOẢN 2

Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng

Được sử dụng đến hết ngày

31/12  
2024

Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân ĐƯỢC GIỮ NGUYÊN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC KHÔNG được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp

## KHOẢN 3

Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ 15/1/2024 - trước 30/6/2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày

30/6  
2024

## KHOẢN 4

Quy định về việc sử dụng căn cước công dân, chứng minh nhân dân trong các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng như đối với thẻ căn cước cấp theo quy định của Luật này

© TTXVN

MINISTRY OF JUSTICE



TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

# 10 ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT CĂN CƯỚC

(Số 28/2018/QH15-QĐ-HĐ-LUẬT-TU 01/07/2024)



## 01 CHỈNH THỰC ĐỐI TƯỢNG CĂN CƯỚC: CÔNG DÂN THÀNH CĂN CƯỚC (ĐIỀU 3)



## 02 GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, CHỨNG MINH NHÂN DÂN ĐÃ ĐƯỢC CẤP (ĐIỀU 46)

- (1) Thẻ Căn cước công dân đã được cấp trước ngày 01/7/2024 vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được ghi trong thẻ. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước.
- (2) Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 30/6/2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 30/6/2024.
- (3) Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân vẫn giữ nguyên giá trị sử dụng.



## 03 CHỨNG MINH NHÂN DÂN 9 SỐ HIẾT HIỆU LỰC TỪ 01/01/2025 (ĐIỀU 46)

Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng thì được sử dụng đến ngày 31/12/2024.



## 04 BỔ THÔNG TIN QUÊ QUÁN VÀ VẤN TAY TRÊN THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 18)

Thẻ Căn cước mới đã bổ thông tin quê quán, nơi thường trú, văn tay, đặc điểm nhận dạng, thay vào bằng thông tin nơi đăng ký khai sinh và nơi cư trú.



## 05 MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 18 VÀ ĐIỀU 19)

- Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi cấp thẻ căn cước theo nhu cầu.
- Công dân Việt Nam không đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú nếu được cập nhật thông tin nơi ở hiện tại vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.



## 06 CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 06 TUỔI (ĐIỀU 23)

- Người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia.
- Không thu nhận thông tin nhân dạng và sinh trắc học đối với người dưới 06 tuổi.



## 07 BỔ SUNG QUY ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI GỐC VIỆT NAM CHƯA XÁC ĐỊNH ĐƯỢC QUỐC TỊCH (ĐIỀU 3 VÀ ĐIỀU 30)

- (1) Giấy chứng nhận căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng thông tin và căn cước của người gốc Việt Nam, chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam từ 06 tháng trở lên.
- (2) Giấy chứng nhận căn cước có giá trị chứng minh về căn cước để thực hiện các giao dịch, thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.



## 08 BỔ SUNG QUY ĐỊNH CẤP CĂN CƯỚC DIỆN TỬ (ĐIỀU 31 VÀ ĐIỀU 33)

- (1) Mỗi công dân Việt Nam được cấp 01 Căn cước diện tử. Căn cước diện tử của công dân được cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an tạo lập ngay sau khi công dân hoàn thành thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 (VNeID).
- (2) Căn cước diện tử sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.



## 09 BỔ SUNG QUY ĐỊNH THU THẬP THÔNG TIN SINH TRẮC HỌC (ĐIỀU 16 VÀ ĐIỀU 23)

- (1) Thu nhận thông tin sinh trắc học mong muốn đối với công dân từ đủ 06 tuổi trở lên khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.
- (2) Thông tin sinh trắc học về ADN và giọng nói được thu thập khi người dân tự nguyện cung cấp khi thực hiện thủ tục cấp căn cước.



## 10 BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TÍCH HỢP THÔNG TIN VÀO THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 22)

- (1) Thông tin tích hợp vào thẻ căn cước gồm thông tin thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- (2) Người dân đề nghị tích hợp thông tin vào thẻ căn cước khi có nhu cầu hoặc khi thực hiện việc cấp thẻ căn cước.
- (3) Việc sử dụng thông tin được tích hợp vào thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác.

Danh lý đồng hành

